TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo

Bà Vũ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị H**, sinh ngày 09/11/1997.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cước công dân số 030197013214 cấp ngày 09/01/2022.

2. *Bị đơn*: Anh **Phạm Trung H1**, sinh ngày 13/4/1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Singapore. Căn cước công dân số 030091008648 cấp ngày 31/3/2021.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Trung H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T),

huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 12/3/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, tính cách, anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, năm 2024 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ lâu, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Trung H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quân H2, sinh ngày 10/7/2021, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn H3 (là bố đẻ anh H1) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết. Anh H1 có quan điểm xác định quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống. Năm 2021 anh H1 đi lao động tại Singapore, anh chị liên lạc thưa dần và không quan tâm đến nhau. Anh H1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H ly hôn anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh nhất trí giao con cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị H, anh H1 đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh H1. Năm 2024 chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, hiện tại anh H1 đang lao động ở nước ngoài chưa về nước, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, nên không có sự quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Phạm Trung H1; về con chung: Giao con chung Phạm Quân H2 cho chị H chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H khởi kiện bị đơn anh Phạm Trung H1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện anh đang sinh sống, làm việc tại Singapore. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Trung H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 12/3/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi nhau, dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc, không khí gia đình luôn căng thẳng. Năm 2021 anh H1 đi lao động tại Singapore, năm 2024 chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh H1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[2.2] Về quan hệ con chung: HĐXX xét thấy anh H1 hiện đang lao động ở nước ngoài nên không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hơn nữa anh cũng nhất trí giao con cho chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Con chung hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển và ổn định của con chưa thành niên, HĐXX giao cho chị H nuôi dưỡng con chung Phạm Quân H2 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị H, anh H1 cùng xác định không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị H** ly hôn anh **Phạm Trung H1.**

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Quân H2, sinh ngày 10/7/2021 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh, chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Trung H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0001843 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Phạm Trung H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Thời hạn kháng cáo của các đương sự tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thái Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân